

PHƯƠNG PHÁP LUẬN XÁC ĐỊNH HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA DOANH NGHIỆP

PTS. TRỊNH THỊ LONG HƯƠNG

Hiệu quả kinh tế (HQKT) là một trong các phương pháp quản lý chất lượng hoạt động kinh tế; là yếu tố, điều kiện quyết định sự tồn tại, ổn định và phát triển không ngừng của bất kỳ doanh nghiệp nào. Hiệu quả kinh tế và sự tăng trưởng hiệu quả kinh tế sẽ thúc đẩy sự tăng kết quả hoạt động kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường. Do đó, trong bất kỳ hoạt động nào của con người, nhất là hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý thì vấn đề hiệu quả và sự tăng trưởng nó đều được đề cập một cách nghiêm túc, cẩn thận và tiên quyết.

Trong quá trình quản lý sản xuất kinh doanh-dịch vụ, nói đến hiệu quả kinh tế là nói đến mối quan hệ so sánh giữa các loại vốn đầu tư với kết quả hoạt động kinh tế thu được. Do sự hữu hạn của các loại vốn đầu tư và vô hạn của sự ước muốn đạt được kết quả nhiều nhất hay cao nhất, mà đòi hỏi phải đo lường mối quan hệ này, tức là định lượng hiệu quả kinh tế và sự tăng trưởng hiệu quả kinh tế. Trình độ tăng trưởng hiệu quả kinh tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố: trình độ phát triển khoa học kỹ thuật tiên tiến, điều kiện để hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ; trình độ quản lý

của mọi cấp lãnh đạo và bị lãnh đạo; thậm chí phụ thuộc vào cả môi trường thiên nhiên và các điều kiện về pháp lý, chính trị của mỗi quốc gia, địa phương, cho nên HQKT là vấn đề mang tính xã hội, được nhiều lĩnh vực, nhiều ngành và nhiều nhà nghiên cứu lý luận quan tâm, bàn luận.

Sự hoạt động sản xuất kinh doanh-dịch vụ, thực chất là quá trình vận động và quản lý các loại vốn đầu tư-dầu vào (bao gồm vốn cố định, vốn lưu động và nguồn lao động). Quá trình này được thực hiện trên từng công đoạn, quy trình quản lý-kỹ thuật-sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra kết quả, thành quả mong muốn-dầu ra (bao gồm sản lượng sản phẩm, giá trị tổng sản lượng, doanh số bán, doanh thu, lãi ròng và lợi nhuận để lại DN). Đo lường mối quan hệ giữa đầu vào với đầu ra để định lượng hiệu quả kinh tế dưới 2 dạng cơ bản sau đây:

- Hiệu năng kết quả sản xuất-kinh doanh. Tức là định lượng mối quan hệ giữa đầu ra với đầu vào và sự tăng trưởng hiệu năng.

- Hiệu suất sử dụng từng loại vốn đầu tư hoặc chi phí sản xuất kinh

doanh, tức là định lượng quan hệ so sánh giữa đầu vào với đầu ra và trình độ tiết kiệm (hay bội chi) vốn đầu tư hoặc chi phí sản xuất-kinh doanh.

Hiệu năng và hiệu suất là hai vấn đề có mối quan hệ nghịch với nhau để phản ánh hiệu quả hoạt động kinh tế, hiệu năng càng cao thì kết quả thu được càng nhiều và hiệu suất sẽ càng nhỏ thì càng tiết kiệm được nhiều vốn đầu tư hoặc chi phí sản xuất-kinh doanh.

Nếu dùng các ký hiệu sau đây:

Các loại vốn đầu tư bình quân trong kỳ nghiên cứu: $\bar{V}$ trong đó:

- Vốn cố định bình quân: $\bar{V}_C$

- Vốn lưu động bình quân: $\bar{V}_L$

- Số lao động bình quân: $\bar{T}$

Chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nghiên cứu: F

Các loại kết quả kinh tế thu được trong kỳ nghiên cứu: KQ trong đó:

- Sản lượng sản phẩm: q

- Giá trị tổng sản lượng: pq

- Doanh số bán hoặc doanh thu:

D
- Lãi ròng hoặc lợi nhuận để lại doanh nghiệp: L

Các phương pháp xác định hiệu quả kinh tế được tổng quát vào 2 bảng tính tổng hợp như sau:

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HIỆU NĂNG

Kết quả sx-kd Vốn đầu tư và chi phí sx-kd	q	pq	D	L	Tên gọi chỉ tiêu hiệu năng
$\bar{V}_C$	$Kq = q\bar{V}_C$	$Kpq = pq\bar{V}_C$	$KD = D\bar{V}_C$	$KL = L\bar{V}_C$	Hiệu năng kết quả thu được của vốn cố định bình quân (Hiệu năng vốn cố định)
$\bar{V}_L$	$Kq = q/\bar{V}_L$	$Kpq = pq/\bar{V}_L$	$KD = D/\bar{V}_L$	$KL = L/\bar{V}_L$	Hiệu năng kết quả thu được của vốn lưu động bình quân (Hiệu năng vốn lưu động hoặc số vòng quay vốn lưu động)
$\bar{T}$	$Kq = q/\bar{T}$	$Kpq = pq/\bar{T}$	$KD = D/\bar{T}$	$KL = L/\bar{T}$	Hiệu năng kết quả thu được của lao động bình quân (Hiệu năng lao động hoặc NSLĐ, NS bán hàng)
F	$Kq = q/F$	$Kpq = pq/F$	$KD = D/F$	$KL = L/F$	Hiệu năng kết quả thu được của chi phí sản xuất-kinh doanh (hiệu năng phí)
Ý nghĩa kinh tế	SLSP thu được trên 1 đơn vị từng loại vốn đầu tư hoặc chi phí sản xuất-kinh doanh	Giá trị sản xuất-kinh doanh thu được trên 1 đơn vị từng loại vốn đầu tư hoặc chi phí sản xuất-kinh doanh	Doanh số bán hoặc doanh thu thu được trên 1 đơn vị, từng loại vốn đầu tư hoặc chi phí sản xuất-kinh doanh	Lợi nhuận thu được trên 1 đơn vị từng loại vốn đầu tư hoặc chi phí sản xuất-kinh doanh (doanh lợi)	Hiệu năng (K) là phương pháp thuận xác định hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp bằng cách so sánh giữa đầu ra với đầu vào của quá trình sản xuất-kinh doanh-dịch vụ trong doanh nghiệp. Tóm lại: $K = \frac{KQ}{\bar{V}}$ hoặc $K = \frac{KQ}{F}$

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH HIỆU SUẤT

Kết quả sx-kd	q	pq	D	L	Tên gọi chỉ tiêu hiệu suất
Vốn đầu tư và chi phí sx-kd					
$\bar{V}_C$	$Hq = \bar{V}_C/q$	$Hpq = \bar{V}_C/pq$	$H_D = \bar{V}_C/D$	$H_L = \bar{V}_C/L$	Hiệu suất sử dụng vốn cố định bình quân (Hiệu suất vốn cố định) hay tỉ suất vốn cố định bình quân
$\bar{V}_L$	$Hq = \bar{V}_L/q$	$Hpq = \bar{V}_L/pq$	$H_D = \bar{V}_L/D$	$H_L = \bar{V}_L/L$	Hiệu suất sử dụng vốn lưu động bình quân (Hiệu suất vốn lưu động) hay tỉ suất vốn lưu động
$\bar{T}$	$Hq = \bar{T}/q$	$Hpq = \bar{T}/pq$	$H_D = \bar{T}/D$	$H_L = \bar{T}/L$	Hiệu suất sử dụng lao động bình quân (hiệu suất lao động) hay tỷ suất lao động bình quân.
F	$Hq = F/q$	$Hpq = F/pq$	$H_D = F/D$	$H_L = F/L$	Hiệu suất phí hay tỉ suất phí hoặc giá thành trên 1 đơn vị kết quả thu được
Ý nghĩa kinh tế	Giá trị từng loại vốn hoặc chi phí cấu thành 1 đơn vị sản phẩm (giá thành đơn vị sản phẩm)	Giá trị từng loại vốn hoặc chi phí cấu thành 1 đơn vị giá trị sản xuất kinh doanh (giá thành sản xuất kinh doanh)	Giá trị từng loại vốn hoặc chi phí cấu thành 1 đơn vị giá trị DSB hoặc doanh thu (giá thành kinh doanh)	Giá trị từng loại vốn hay chi phí cấu thành 1 đơn vị lợi nhuận thu được	Hiệu suất (H) là phương pháp nghịch để xác định hiệu quả kinh tế bằng cách so sánh giữa đầu vào với đầu ra của quá trình sản xuất-kinh doanh. Tóm lại: $H = \frac{1}{K}$ hoặc $H \times K = 1$ $H = \frac{V}{KQ}$ hoặc $\frac{F}{KQ}$

Tăng trưởng hiệu quả kinh tế là đo lường sự biến động hiệu quả kinh tế qua thời gian bằng phương pháp chỉ số dưới 2 dạng cơ bản sau đây:

- Chỉ số hiệu năng (I_K): là số tương đối phản ánh sự biến động hiệu năng ở kỳ báo cáo (K_1) so với kỳ gốc (K_0)

$$I_K = K_1/K_0 \text{ (lần, \%)}$$

Sự tăng hiệu năng (tăng trưởng hiệu quả) qua thời gian sẽ làm tăng kết quả kinh tế thu được ở kỳ báo cáo so với kỳ gốc một đại lượng, ΔK

$$\Delta K = (K_1 - K_0) \cdot V_1$$

V_1 : Từng loại vốn đầu tư bình quân hoặc chi phí kỳ báo cáo.

- Chỉ số hiệu suất: Trình độ tiết kiệm (hay bội chi) các loại vốn đầu tư hoặc chi phí được đo lường bằng chỉ số hiệu suất (I_H). Nó là số tương đối phản ánh sự biến động hiệu suất ở kỳ báo cáo (H_1) so với kỳ gốc (H_0)

$$I_H = H_1/H_0 \text{ (lần, \%)}$$

Mức độ tiết kiệm (hay bội chi) từng loại vốn đầu tư hoặc chi phí được xác định tổng quát như sau:

$$\Delta H = (H_1 - H_0) \cdot KQ_1$$

KQ_1 - từng loại kết quả thu được ở kỳ báo cáo.

Như vậy, trong hệ thống chỉ tiêu thông kê hiệu quả hoạt động kinh tế của doanh nghiệp sẽ bao gồm tất cả 96 chỉ tiêu các loại. Tùy theo từng mục đích nghiên cứu, từng tính chất hoạt động SX-KD mà sử dụng một trong các chỉ tiêu hiệu quả của hệ thống chỉ tiêu thông kê hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp ■

